TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành.

Ông Phạm Đức Hoàn.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: /2025/QĐST - DS ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982. (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn VC, xã CN, huyện NL, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Hàn Văn T, sinh năm 1983. (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Thôn NT, xã CN, huyện NL, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Hàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5/2005, do nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên mãi đến ngày 26/4/2022, chị và anh T mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CN, huyện NL, tỉnh TH. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ đầu năm 2022 đến nay và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Hàn Văn T có 02 con chung là Hàn Thị Ngọc A, sinh ngày 19/6/2006 và Hàn Thị Mỹ D, sinh ngày 21/02/2008 (Hiện nay cháu D đã chết). Đối với cháu A, trước đây cháu A phát triển thể chất không bình thường, được hưởng chế độ bảo trợ xã hội và do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng hiện nay cháu A đã khỏi bệnh, khỏe mạnh bình thường đã trưởng thành trên 18 tuổi và xây dựng gia đình (Lấy chồng) sinh sống tại thôn TL, xã KT, huyện NL, tỉnh TH, nên đối với cháu A, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc giao nuôi con.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hàn Văn T, để anh T làm bản tự khai, trình bày ý kiến, tham gia hòa giải và giải quyết về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị L, nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả các đương sự theo quy định pháp luật. Việc tống đạt văn bản tố tụng của Toà án phù hợp với quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Hàn Văn T. Đối với cháu A đã trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp. Về tài sản đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Hàn Văn T, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có mặt, Tòa án đã thông báo kết quả cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T không tham gia hoà giải thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Chị L xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227; Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Hàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CN, huyện NL, tinh TH và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách cư sử trong gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía anh T biết chị L làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T lên làm việc để anh T được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình về nội dung khởi kiện của chị Phạm Thị L, nhưng anh T đều không có mặt, điều đó thể hiện anh T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Hiện nay chị Phạm Thị L và anh Hàn Văn T chỉ còn 01 con chung là Hàn Thị Ngọc A, sinh ngày 19/6/2006, trước đây cháu Hàn Thị Ngọc A phát triển thể chất không bình thường, được hưởng chế độ bảo trợ xã hội và do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng hiện nay cháu A đã khỏi bệnh, khỏe mạnh bình thường và trưởng thành trên 18 tuổi, cháu Hàn Thị Ngọc A đã xây dựng gia đình (Lấy chồng) sinh sống tại thôn TL, xã KT, huyện NL, tỉnh TH, nên đối với cháu Hàn Thị Ngọc A, chị Phạm Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết việc giao nuôi con là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết, nên về phần tài sản Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

*** Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Hàn Văn T.

*** Về con chung:** Đối với cháu Hàn Thị Ngọc A, sinh ngày 19/6/2006 đã trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường và xây dựng gia đình, nên không xem xét giải quyết việc giao nuôi con.

*** Về án phí:** Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, theo biên lai số 0004426 ngày 06/11/2024. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Phạm Thị L và anh Hàn Văn T. Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện NL;
- Tòa án nhân dân tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện NL;
- UBND xã CN, huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh